

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS-ST
Ngày: 10 – 9 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**
2. Ông **Trần Thanh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: số A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Chí T.** Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chí T: Anh **Huỳnh Tứ P.**, sinh năm 1988. Chức vụ: Phó phòng giao dịch P Bạc Liêu; Địa chỉ: số A khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nơi làm việc: Số A, ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; (*Vắng mặt*)

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Tuyết M.**, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2020 và lời khai có trong hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Tứ P trình bày:**

Vào ngày 02/10/2018, bà Trần Thị Tuyết M có ký Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1827500742 với Ngân hàng TMCP S, phòng giao dịch P Bạc Liêu để vay số tiền 30.000.000đ với mục đích tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 31,2%/năm (tương đương lãi suất thực tế giảm dần 59,9%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm, thời hạn vay là 24 tháng. Thỏa thuận số tiền trả mỗi kỳ là 2.030.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 20/11/2018, các kỳ trả nợ tiếp vào ngày 20 hàng tháng. Ngày 02/10/2018, Ngân hàng TMCP S đã giải ngân cho bà M bằng hình thức nhận tiền mặt. Từ ngày giải ngân đến ngày 05/5/2020, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi 16.321.734 đồng (trong đó vốn 10.000.000 đồng và lãi 6.321.734 đồng). Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 20/7/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc và tạo điều kiện để bà M trả nợ, tuy nhiên bà M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng cho vay đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Tuyết M phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 10/9/2020 là 46.403.904 đồng (trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.527.253 đồng, lãi quá hạn là 6.876.651 đồng). Đồng thời kể từ ngày 11/9/2020, bà M phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

*** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Trần Thị Tuyết M trình bày:**

Bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 41.480.287 đồng (trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn 16.244.842 đồng, lãi quá hạn 5.235.732 đồng) nhưng không đồng ý trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/6/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng như Ngân hàng yêu cầu. Do hoàn cảnh hiện tại khó khăn nên bà xin trả dần.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2020 là 46.403.904 đồng (trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.527.253 đồng, lãi quá hạn là 6.876.651 đồng) và trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 11/9/2020 cho đến khi bà M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Về án phí: Bà M phải chịu án phí 2.320.195 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Tuyết M trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bà M đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà M và anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà M và anh P là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1827500742, Ngân hàng TMCP S, phòng giao dịch P Bạc Liêu để vay số tiền 30.000.000đ với mục đích tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 31,2%/năm (tương đương lãi suất thực tế giảm dần 59,9%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm, thời hạn vay là 24 tháng. Ngày 02/10/2018, Ngân hàng TMCP S đã giải ngân cho bà M bằng hình thức nhận tiền mặt, bà M đã nhận đủ tiền vay và ký tên. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2020, bà M thừa nhận có vay tiền và hiện còn nợ Ngân hàng TMCP S như Ngân hàng yêu cầu. Sự thừa nhận của bà M là tinh tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Theo hợp đồng thì bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ phải trả số tiền gốc và tiền lãi trong 24 kỳ tính từ ngày 20/11/2018 đến ngày 02/10/2020 và được trả cố định vào ngày 20 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà M đã trả được số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 6.321.734 đồng. Từ ngày 20/7/2019 bà M không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ với Ngân hàng. Do đó, nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà M phải trả phần nợ gốc còn lại và lãi là phù hợp. Mặt khác, bà M cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

[5] Bà M vay số tiền 30.000.000đ đã trả được số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng. Do đó, buộc bà M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc vay còn lại là 20.000.000 đồng. Đối với lãi theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất trong hạn là 31,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy, bà M và Ngân hàng có thỏa thuận lãi suất khi ký hợp đồng tín dụng, bà M không trả nợ theo thỏa thuận thì bà M phải chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận, nên việc bà M không đồng ý trả tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà M phải tiền lãi trong hạn là 19.527.253 đồng, lãi quá hạn là 6.876.651 đồng và kể từ ngày 11/9/2020, bà M phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 10/9/2020 là 46.403.904 đồng (trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là

19.527.253 đồng, lãi quá hạn là 6.876.651 đồng). Đồng thời kể từ ngày 11/9/2020, bà M phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Trần Thị Tuyết M. Buộc bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 46.403.904 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm lẻ ba nghìn chín trăm lẻ bốn đồng). Trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.527.253 đồng, lãi quá hạn là 6.876.651 đồng.

Kể từ ngày 11/9/2020 bà Trần Thị Tuyết M còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1827500742 ngày 02/10/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.320.195 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP S đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 937.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004771 ngày 14/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly